

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/DS-ST.

Ngày: 31-5-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và Ông Phan Sỹ Phác

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 252/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 14/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Địa chỉ: 442- 446 N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Đ; Địa chỉ: số 152-154 Y , phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K; Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số DAL.CN.41.190319 ngày 19/3/2019; Giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số DAL.CN.41.190319/0 ngày 19/3/2019. Vay số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn cho vay là 12

tháng, phương thức giải ngân vào tài khoản của bà Nguyễn Thị K, lãi suất cho vay là 9.5%/năm, một năm được tính là 365 ngày. Lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày tiếp theo bên được cấp tín dụng nhận được tiền vay, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất cho vay (%/năm) = LS13 + 3,0%/năm + X. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân vào tài khoản cho bà Nguyễn Thị K số tiền 350.000.000 đồng, đến ngày 20/3/2020 ông Tvà bà K chưa trả cho Ngân hàng số tiền lãi của kỳ thứ hai và số tiền gốc nên khoản vay của ông bà được chuyển sang nợ quá hạn.

Khi vay ông Tvà bà K có thể chấp 01 quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất thửa đất số 67 tờ bản đồ số 91 tọa lạc tại xã Đăk Rla, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông đứng tên ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị K để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là phù hợp, đúng vị trí thửa đất thế chấp.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị K thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 31/5/2021 là 426.887.798 đồng, trong đó 350.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 9.147.945 đồng, lãi quá hạn 66.780.000 đồng, lãi chậm trả lãi là 959.853 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp đến hạn Trần Văn Tân và bà Nguyễn Thị K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất số BU 749246 Do UBND huyện Đăk Mil cấp ngày 05/6/2014 đối với thửa đất số 69 tờ bản đồ số 71 tọa lạc tại Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông đứng tên ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Đối với bị đơn ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị K: Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị K nhưng ông Tvà bà K đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không đến Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và

Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là: 426.887.798 đồng, trong đó 350.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 9.147.945 đồng, lãi quá hạn **66.780.000** đồng, lãi chậm trả lãi là **959.853** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Tvà bà K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Trường hợp ông Tvà bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất số 67 tờ bản đồ số 91 tọa lạc tại xã Đăk Rla, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông đứng tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí dân sự: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K có đăng ký tạm trú tại thôn 01, xã Đăk Rla, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Kết quả xác minh tại Công an xã Đăk Rla thể hiện: ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 01, xã Đăk Rla, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông; tuy nhiên ông Tvà bà K có đăng ký tạm trú tại địa phương tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng, có đơn

xác nhận hộ khẩu của cơ quan có thẩm quyền, tại thời điểm Nguyên đơn khởi kiện ông bà không có mặt tại địa phương mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới; Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã làm thủ tục thông báo nhắc tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo thời gian làm việc đối với ông T và bà K trên Báo công lý các số 22, 23, 24 ra các ngày 16, 19, 23/3/2021; trên Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng lúc 17h30-18h00 các ngày 15, 16, 17/3/2021 nhưng ông T và bà K đều vắng mặt tại Tòa án mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nhận định như sau:

2.1. Về hợp đồng tín dụng:

- Theo hợp đồng tín dụng số DAL.CN.41.190319 ngày 19/3/2019; Giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số DAL.CN.41.190319/0 ngày 19/3/2019. Vay số tiền 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu*) đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, phương thức giải ngân vào tài khoản của bà Nguyễn Thị K, lãi suất cho vay là 9.5%/năm, một năm được tính là 365 ngày. Lãi suất được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày tiếp theo bên được cấp tín dụng nhận được tiền vay, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất cho vay (%/năm) = $LS13 + 3,0\%/năm + X$. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm 10%/năm. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

- Ngày 19/3/2020, khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông T và bà K không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 3 của hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu khởi kiện yêu cầu ông T và bà K phải thanh toán số nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc là: 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*).

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu và ông T và bà K theo hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tạm tính đến

ngày xét xử là ngày 31/5/2021, cụ thể: Lãi trong hạn 9.147.945 đồng, lãi quá hạn **66.780.000** đồng, lãi chậm trả lãi là **959.853** đồng Ông T và bà K phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ kể từ ngày **19/3/2019** cho đến khi trả xong nợ.

2.2. Đối với tài sản thế chấp:

- Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay, ông T và bà K đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số **BU 749246 Do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 05/6/2014** thửa đất số 69 tờ bản đồ số 71 tọa lạc tại Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đúng tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K được công chứng tại Văn phòng công chứng Vũ Minh Vững **số 1757, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/9/2017** và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Mil. Như vậy, hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày **12/3/2021** xác định các thửa đất số 67 tờ bản đồ số 91 tọa lạc tại Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đúng tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

3. Đối với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần (đã tiến hành thông báo, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật) và đã được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng không có thông tin, không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

5. Về các chi phí tố tụng khác:

5.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5.2. Về chi phí xác minh, đăng tin: Nguyên đơn phải chịu số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí xác minh, đăng tin theo Điều 180 của

Bộ luật tố tụng dân sự được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ này.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (nguyên đơn) đối với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K (bị đơn) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2021) là: 426.887.798đ (Bốn trăm hai sáu triệu tám trăm tám trăm tám nghìn bảy trăm chín tám đồng), trong đó 350.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 9.147.945 đồng, lãi quá hạn **66.780.000** đồng, lãi chậm trả lãi là **959.853** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/6/2021), ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 67 tờ bản đồ số 91 **số BU 749246 Do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 05/6/2014** thửa đất số 69 tờ bản đồ số 71 tọa lạc tại Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đứng tên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị K phải nộp số tiền 21.075.512 đồng (Hai mươi một triệu không trăm bảy mươi lăm

ngàn năm trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 9.519.000 đồng (Chín triệu năm trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai số 0003639 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn Tvà bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về chi phí đăng tin: Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí đăng tin và được khấu trừ vào số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tạm ứng chi phí đăng tin đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đình Minh